

Bản án số: 32/2023/HS-ST
Ngày 20 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong.

Ông Trần Công Đoàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Hoàng Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi và điểm cầu thành phần Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Tr, sinh năm 1981 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M; Có vợ: Thạch Thị L và 03 người con; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 14/7/2023 đến cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Tr: Bà Trần Kim X là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Lê Văn C, sinh năm 1997 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M; chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 14/7/2023 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo C: Ông Trần Hoàng H là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Thạch Quốc V, sinh năm 2003 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Lê Văn Tr và bà Thạch Thị L; chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 23/8/2023 cho đến nay (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo V: Bà Thạch Thị L, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, là mẹ của bị cáo (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo V: Ông Phan Khánh D là Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Đỗ Hoàng T, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Lê Văn Ph. Nơi cư trú: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 04/7/2023, Lê Văn Tr, Lê Văn C, Thạch Quốc V, Nguyễn Văn Kh và Võ Tuấn K tập trung tại nhà của Lê Vũ Ph ở Ấp K, xã Q, huyện Đ. Tại đây, C khơi gợi việc Huỳnh Quốc H hướng dẫn, chỉ điểm cho C đi trộm mô tơ điện ở các đầm nuôi tôm công nghiệp để bán lấy tiền tiêu xài, do trước đó khoảng hai ngày C có gặp H. Sau khi nghe C nói thì tất cả thống nhất chia thành hai nhóm để đi trộm. Theo đó Tr, C và V một nhóm; Ph, K và Kh một nhóm.

Khoảng 21 giờ ngày 07/7/2023, Tr điều khiển Ph tiện vỏ composite Hữu Tính dài 5,9m, máy Vanguard 6.0HP chở C và V đi đến khu vực Ấp K, xã Q, huyện Đ phát hiện đầm tôm công nghiệp của ông Nguyễn Văn V nên Tr tắt máy, ghé Ph tiện vào bến ngồi chờ, còn C và V trực tiếp đi vào đầm tôm dùng cờ lê, kéo mở khoá vặn ốc và cắt dây điện lấy trộm được 04 mô tơ (kí hiệu số: 10, 11, 12, 13) mang xuống vỏ. Với hành vi tương tự, Tr điều khiển Ph tiện vỏ máy chở C và V đi đến đầm tôm công nghiệp của ông Nguyễn Hữu P ở ấp N, xã Q, huyện Đ lấy trộm được 02 mô tơ (kí hiệu số: 14, 16) mang xuống vỏ; đến đầm tôm công nghiệp của

ông Đỗ Hoàng T ở Ấp X, xã Q, huyện Đ, C và V trực tiếp đi vào căn nhà ông T đang xây dựng lấy trộm được 01 máy bơm hơi nén (kí hiệu số: 15), 02 búa đóng đinh và 01 cây xà beng mang xuống võ. Sau đó, cả nhóm điều khiển Ph tiện võ máy đi đến kênh Khạo Đ thuộc ấp Kh, xã Q, huyện Đ thì bị lực lượng Công an xã Q tuần tra phát hiện.

Ngoài ra quá trình điều tra các bị cáo khai trước đó đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 05/7/2023, Tr điều khiển Ph tiện võ composite Hữu Tính dài 5.9m, máy Vanguard 6.0HP chở C và V chạy dọc theo các tuyến kênh, sông thuộc địa bàn xã Q để tìm mô tơ lấy trộm. Khi đến hướng cầu treo gần Ủy ban nhân dân xã Q, phát hiện có đầm tôm công nghiệp (không xác định được của ai và địa điểm cụ thể) nên Tr tắt máy, ghé Ph tiện vào bến ngồi chờ, còn C và V trực tiếp đi vào đầm tôm dùng cò lê, kéo mở khoá vận ốc và cắt dây điện lấy trộm được 04 mô tơ mang xuống võ. Tr tiếp tục điều khiển Ph tiện võ máy đi thêm một đoạn thì phát hiện có đầm tôm công nghiệp (không xác định được của ai và địa điểm cụ thể) nên Tr tắt máy, ghé Ph tiện vào bến ngồi chờ, còn C và V trực tiếp đi vào đầm tôm dùng cò lê, kéo mở khoá vận ốc và cắt dây điện lấy trộm được 02 mô tơ mang xuống võ. Sau đó, cả nhóm điều khiển Ph tiện võ máy quay trở về, đem số mô tơ vừa trộm được vào nhà Tr cất giấu.

Đến khoảng 08 giờ ngày 06/7/2023, C gọi điện cho Nguyễn Văn Q làm nghề thu mua phế liệu đến để bán mô tơ. Đồng thời, do không biết giá nên C kêu Ph đứng ra bán giùm. Ph trực tiếp thỏa thuận bán 06 mô tơ cho Q được số tiền 3.000.000 đồng rồi đưa lại cho C quản lý, C đưa cho H 500.000 đồng tiền chỉ điểm. Còn lại 2.500.000 đồng, C đưa cho Tr, sau khi trừ chi phí xăng 142.000 đồng, còn lại Tr chia đều cho mỗi người được 780.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 06/7/2023, với hành vi tương tự lần 01, các bị cáo đến đầm tôm công nghiệp (không xác định được của ai và địa điểm cụ thể) lấy trộm được 06 mô tơ mang xuống võ. Sau đó, cả nhóm điều khiển Ph tiện võ máy quay trở về, đem số mô tơ vừa trộm được vào nhà Tr cất giấu.

Đến khoảng 08 giờ ngày 07/7/2023, C gọi điện cho Q đến để bán mô tơ. Đồng thời, kêu Ph đứng ra bán giùm được số tiền 3.100.000 đồng rồi đưa lại cho C quản lý, C đưa cho H 500.000 đồng tiền chỉ điểm. Còn lại 2.600.000 đồng, C đưa cho Tr, sau khi trừ chi phí xăng 120.000 đồng, còn lại Tr chia đều cho mỗi người được 820.000 đồng.

Tổng số tiền bán tài sản của hai lần trộm chia đều cho mỗi người được 1.600.000 đồng, cả ba đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS ngày 10/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đầm Dơi, kết luận:

- 01 mô tơ, hiệu Bảo Long, 370W, 0.5HP (kí hiệu số: 10) có giá trị 225.000 đồng.
- 01 mô tơ, hiệu Tân Hoàng Cầu, 1.5KW, 20HP (kí hiệu số: 11) có giá trị

550.000 đồng.

- 01 mô tơ, hiệu Bảo Long, 1.5KW, 2.0HP (kí hiệu số: 12) có giá trị 550.000 đồng.

- 01 mô tơ, hiệu SHINHOO, 2.2KW, 3.0HP (kí hiệu số: 13) có giá trị 2.450.000 đồng;

- 01 mô tơ, hiệu Bảo Long, 3.0KW, 4.0HP (kí hiệu số: 14) có giá trị 950.000 đồng;

- 01 máy bơm hơi nén, 370KW, 2.0HP (kí hiệu số: 15) có giá trị 450.000 đồng;

- 01 mô tơ, hiệu Bảo Long, 3.0KW, 4.0HP (kí hiệu số: 16) có giá trị 850.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-ĐGTS ngày 10/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đàm Dơi, kết luận:

- 01 búa đóng đinh (búa thép kim loại), cán dài 35,2cm có giá trị 12.500 đồng;

- 01 búa đóng đinh (búa thép kim loại), cán bằng nhựa, dài 23.2cm có giá trị 35.000 đồng;

- 01 xà beng bằng kim loại, dài 40cm có giá trị 22.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản Tr, C và V đã lấy trộm của ông Nguyễn Văn V, Nguyễn Hữu P và Đỗ Hoàng T là 6.095.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 310/2023/KLGD ngày 15/8/2023 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ đối với Thạch Quốc V, kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi xảy ra vụ án và hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICD10).

- Về năng lực: Tại thời điểm xảy ra vụ án và hiện tại đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKS ngày 28/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi truy tố các bị cáo Lê Văn Tr, Lê Văn C, Thạch Quốc V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tr và bị cáo C từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm i, s, p, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo V từ 06 đến 09 tháng tù nH cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ 01 máy Vanguard 6.0HP; tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo, 03 cờ lê; trả lại cho ông Lê Văn Ph 01 vỏ composite Hữu Tính, dài 5.9m.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Đại diện Viện kiểm sát đã truy tố.

Người bào chữa cho các bị cáo C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Tr trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tr.

Người bào chữa cho bị cáo V trình bày: Bị cáo V có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s, p, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết bị cáo người dân tộc, không biết chữ nên nhận thức pháp luật hạn chế, thuộc diện hộ nghèo, áp dụng cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều biết lỗi, xin xem xét giảm nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các bị hại là ông T, ông P, ông V có đơn xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Ph đã được triệu tập hợp lệ nH vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị hại và ông Ph là đúng quy định.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận vào khoảng 21 giờ ngày 07/7/2023, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của các bị hại đã lén lút chiếm đoạt của ông V 04 mô tơ, ông P 02 mô tơ và ông T 01 máy bơm hơi nén, 02 búa đóng đinh và 01 cây xà beng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS ngày 10/7/2023 và số 25/KL-ĐGTS ngày 10/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đầm Dơi kết luận giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 6.095.000 đồng.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của chính các bị cáo và của các bị hại tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó có cơ sở kết luận các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa Ph. Các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nH vì mục đích tư lợi cá nhân và bản tính muốn hưởng lợi trên thành quả của người khác mà không phải lao động nên vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra.

Trong thời gian qua, trên địa bàn huyện Đầm Dơi tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, điều này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống sinh hoạt bình thường của người dân, không chỉ ảnh hưởng về mặt kinh tế mà còn gây ra tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân trên địa bàn, thông qua việc xét xử vụ án này, ngoài mục đích buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cho hành vi của mình, còn mục đích cảnh tỉnh và phòng ngừa chung góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương trong thời gian tới.

Các bị cáo rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc kế hoạch, phân công vai trò cụ thể nên trường hợp phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Tr và bị cáo C trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định áp dụng hình phạt có xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho các bị cáo, tuy nhiên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới đảm bảo tính răn đe đồng thời có thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật.

Đối với bị cáo V, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng, bị cáo bị khuyết tật nặng và hạn chế khả năng nhận thức, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm i, s, p, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo V có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cho bị cáo V được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với người vi phạm biết ăn năn, hối cải.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả cho ông V 04 mô tơ (kí hiệu từ 10 đến 13), trả cho ông P 02 mô tơ (kí hiệu 14, 16), trả cho ông T 01 máy bơm hơi nén (kí hiệu 15), 02 búa đóng đinh, 01 cây xà beng. Xét thấy việc trả các vật chứng nêu trên cho các bị hại là đúng quy định, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Đối với 01 máy Vanguard 6.0HP, 01 cây kéo, 03 cờ lê của bị cáo Tr, đây là công cụ Ph tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ 01 máy Vanguard 6.0HP, tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo, 03 cờ lê theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 vỏ composite Hữu Tính, dài 5,9m, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bà M đều khai chiếc vỏ là của bà M, bà M đã sử dụng từ trước nay, do ông Ph ở cùng nhà và là con ruột của bà M nên đứng tên trên giấy mua bán, ông Ph vắng mặt tại phiên tòa nH tại giấy ủy quyền ngày 20/11/2023 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q) thể hiện nội dung ông Ph ủy quyền cho bà M 01 chiếc vỏ Composite Hữu Tính dài 5,9m, do đó Hội đồng xét xử xem xét trả lại vỏ composite nêu trên cho bà M là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với bị hại T, quá trình điều tra và trong đơn xin vắng mặt có yêu cầu được nhận lại 02 mô tơ (kí hiệu 01, 02), xét thấy yêu cầu của ông T không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử trong vụ án này nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ, được chấp nhận.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Tr được hưởng án treo và cho bị cáo V hình phạt cải tạo không giam giữ không được chấp nhận như các nhận định và phân tích trên.

[9] Quá trình điều tra các bị cáo khai có thực hiện hành vi trộm cắp 02 lần vào ngày 05 và ngày 06/7/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đàm Dơi đã thông báo, tiến hành truy tìm nhưng chưa xác định được bị hại nên không xác định được cụ thể tài sản bị mất trộm và hiện trường xảy ra vụ án. Do đó, cần tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ xem xét, xử lý sau là phù hợp.

Đối với Huỳnh Quốc H, có hành vi hướng dẫn, chỉ điểm cho các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình xác minh hiện nay H không có mặt tại địa Ph, không rõ đi đâu, làm gì, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục điều tra làm rõ, có căn cứ xem xét, xử lý sau là phù hợp.

Đối với Trần Vũ Ph, Nguyễn Văn Kh và Võ Tuấn K, quá trình điều tra thể hiện nhóm Ph, Kh, K thực hiện hành vi phạm tội độc lập, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo Tr, C, V. Do đó, nhóm Ph, Kh, K không có vai trò đồng phạm với các bị cáo trong vụ án.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Do các bị cáo thuộc đối tượng là hộ nghèo nên được miễn.

[11] Về quyền kháng cáo: Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Tr, Lê Văn C, Thạch Quốc V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Tr 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 7 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 7 năm 2023.

Căn cứ điểm i, p, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Thạch Quốc V 06 (sáu) tháng tù NH cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20 tháng 11 năm 2023).

Giao bị cáo Thạch Quốc V cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 máy Vanguard 6.0HP.
- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kéo kim loại, 03 cây cò lê (chìa khóa) kim loại.
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 vỏ composite, hiệu Hữu Tính, dài 5.9m.

(Hiện vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/9/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo được miễn do thuộc đối tượng là hộ nghèo.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo V, người bào chữa cho bị cáo V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

